

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HS-ST
Ngày 03-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- *T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thắng
Ông Điều Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 tại Thái Bình;
HKTT: Thôn K, xã V, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá (học vấn) 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Hoàng Thị T2; Chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 19/01/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng tù về Tội cố ý gây thương tích theo bản án số 05/2015/HSPT, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và án phí, chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/11/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo bản án số 90/2022/HSST, bị cáo chưa chấp hành bản án này; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Võ Thị Tuyết V1, sinh năm 1973, trú tại: Khu phố 2, phường M, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995, trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01 năm 2022, bị cáo T đang đi bộ trên đoạn đường cầu Đắc Lung thuộc khu phố 5, phường Long Thủy, thị xã Phước Long thì phát hiện trong sân nhà bà Võ Thị Tuyết V1 có dựng 01 xe mô tô honda Vision màu đỏ, biển kiểm soát 93L1 – 173.77 có sẵn chìa khóa trên xe, thấy cổng nhà bà V1 không khóa nên bị cáo đi vào trong sân dắt xe mô tô ra đường, dắt được 01 đoạn thì nổ máy chạy về nhà mình tại thôn K, xã V, huyện Bù Gia Mập. Về đến nhà, bị cáo tháo biển số 93L1 – 173.77 vớt ra vứt ve chai gần nhà, sau đó gắn biển số giả 93H1 – 989.78 nhật được trước đó và sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi lại. Đến ngày 30/6/2022, bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô Future tại thôn 19/5, xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập và bị bắt giữ. Trong quá điều tra vụ án này, bị cáo T khai nhận hành vi trộm cắp xe mô tô honda hiệu Vision màu đỏ, biển kiểm soát 93L1 – 173.77 như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đã thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen, biển kiểm soát 93L1 – 173.77 (đã thay biển số 93H1 - 989.78), số khung JF33E050133, số máy RLHJF331DY424977 do Nguyễn Thị N đứng tên đăng ký quyền sở hữu.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 09/HĐ.ĐGTSTTHS.22 ngày 19/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Phước Long kết luận: giá trị của 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen, biển kiểm soát 93L1 – 173.77 đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 01/01/2022 là 10.000.000 đồng.

Ngày 26/10/2022, Nguyễn Văn T bị khởi tố bị can để điều tra.

Bản cáo trạng số 06/CTr-VKS-PL ngày 13/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố Nguyễn Văn T về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T về Tội trộm cắp tài sản; bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là T khẩn khai báo, bị hại có một phần lỗi, bị cáo bị bệnh hiểm nghèo và gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 32, 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo T phạm tội trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo tù 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 biển số giả 93H1 – 989.78.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên không đề cập.

- Bị cáo T tự bào chữa: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm được trở về cùng với gia đình vì hiện nay bị cáo đang bị bệnh nặng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Trong tháng 01 năm 2022, bị cáo T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại V1 là 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen, biển kiểm soát 93L1 – 173.77 có giá trị là 10.000.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích tư lợi cá nhân. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu T Tội trộm cắp tài sản nên Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo

Ngày 19/01/2015, bị cáo T bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng tù về Tội cố ý gây thương tích theo bản án số 05/2015/HSPT, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và án phí, chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự. Như vậy, bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp Tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã T khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo bị bệnh hiểm nghèo, bị hại có một phần lỗi tạo điều kiện cho bị cáo nảy sinh ý định và thực hiện hành vi phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, vào ngày 28/4/2022 và ngày 30/6/2022 bị cáo T còn hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân

huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo bản án số 90/2022/HSST ngày 07/11/2022.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và đang bị bệnh nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng vụ án:

01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen, biển kiểm soát 93L1 – 173.77, số khung JF33E050133, số máy RLHJF331DY424977 do Nguyễn Thị N đứng tên đăng ký quyền sở hữu. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đã xác định tại thời điểm bị chiếm đoạt xe mô tô thuộc quyền sở hữu của bị hại V1 và người đứng tên đăng ký không có ý kiến gì nên đã trả lại xe cho bị hại là đúng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

01 biển số 93H1 – 989.78 là giả và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 38, 50, 56 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù tại Bản án số 90/2022/HSST ngày 07/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, hình phạt chung bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành là 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ tạm giam từ ngày 28/4/2022 đến ngày 20/5/2022 và từ ngày 30/6/2022 đến ngày 29/7/2022.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 biển số giả 93H1 – 989.78 (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/02/2023).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (03/3/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- CQ CSĐT Công an Tx. Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Nguyễn Thị Bích Vân

